

Số: 169 TB/ĐLS-HĐQT

Lam Sơn, ngày 29 tháng 10 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh  
- Ủy ban chứng khoán nhà nước

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

- Mã chứng khoán: LSS
- Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn – huyện Thọ Xuân – tỉnh Thanh Hoá
- Điện thoại liên hệ: 02378.99.66.67 Fax: 02373.834.092
- E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất Quý I niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025; Kèm giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh so với cùng kỳ năm trước.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/10/2024 tại đường dẫn: <http://www.lasuco.vn/>,

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất Quý I niên độ tài chính từ 01/07/2024 đến 30/06/2025
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp so với cùng kỳ năm trước



CHỦ TỊCH HĐQT  
Lê Văn Tân

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỪ NGÀY 01 THÁNG 07 NĂM 2024  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2024

(NIÊN ĐỘ TỪ NGÀY 01/07/2024 ĐẾN NGÀY 30/06/2025)

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**



---

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	1 - 4
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6 - 7
4. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 27

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý I - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.274.795.072.683</b>	<b>1.520.154.590.369</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>16.908.220.658</b>	<b>36.828.566.477</b>
1. Tiền	111		13.507.974.228	1.351.303.938
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.400.246.430	35.477.262.539
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>47.115.000.000</b>	<b>39.700.000.000</b>
1. Kinh doanh chứng khoán	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	2	47.115.000.000	39.700.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>371.913.879.618</b>	<b>443.126.256.901</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3.1	33.199.361.333	205.181.739.678
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	3.2	289.485.669.765	197.895.340.750
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		29.500.000.000	28.000.000.000
6. Các khoản phải thu khác	136	4	49.426.584.631	41.746.912.584
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5	(29.697.736.111)	(29.697.736.111)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>810.198.076.714</b>	<b>996.793.914.332</b>
1. Hàng tồn kho	141	6	835.539.494.031	1.022.135.331.649
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(25.341.417.317)	(25.341.417.317)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>28.659.895.693</b>	<b>3.705.852.659</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	28.577.678.182	3.291.979.017
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		82.217.511	413.873.642
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.401.452.281.237</b>	<b>1.413.208.247.126</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>32.909.102.375</b>	<b>32.909.102.375</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	4	32.909.102.375	32.909.102.375
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý I - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>693.704.429.019</b>	<b>706.800.229.133</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	8	654.197.452.139	666.751.517.613
	<i>Nguyên giá</i>	222		2.720.105.767.959	2.726.535.843.019
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.065.908.315.820)	(2.059.784.325.406)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	9	39.506.976.880	40.048.711.520
	<i>Nguyên giá</i>	228		47.425.838.413	47.425.838.413
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7.918.861.533)	(7.377.126.893)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>322.762.878.913</b>	<b>321.134.687.213</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	322.762.878.913	321.134.687.213
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>325.980.778.624</b>	<b>325.980.778.624</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		306.746.610.952	306.746.610.952
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		21.500.000.000	21.500.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.251.145.800	5.251.145.800
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(87.516.978.128)	(87.516.978.128)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		80.000.000.000	80.000.000.000
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>26.095.092.306</b>	<b>26.383.449.781</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	7	26.095.092.306	26.383.449.781
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tải sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>		<b>2.676.247.353.920</b>	<b>2.933.362.837.495</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý I - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>300</b>		<b>937.520.806.448</b>	<b>1.217.052.752.864</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>310</b>		<b>905.400.658.207</b>	<b>1.184.372.697.561</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	12	114.692.945.934	127.897.918.286
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	13	49.896.753.669	104.073.143.868
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	14	25.304.311.197	51.533.281.137
4. Phải trả người lao động		314		5.863.624.136	13.904.626.214
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	15	8.664.226.032	9.578.592.746
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	16	11.041.273.744	11.813.595.942
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	17	654.933.363.334	830.006.068.388
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		35.004.160.161	35.565.470.980
13. Quỹ bình ổn giá		323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>330</b>		<b>32.120.148.241</b>	<b>32.680.055.303</b>
1. Phải trả người bán dài hạn		331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn		333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn		335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
6. Phải trả dài hạn khác		337		2.358.313.943	2.358.313.943
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	18	6.335.000.000	6.335.000.000
8. Trái phiếu chuyển đổi		339		-	-
9. Cổ phiếu ưu đãi		340		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		-	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn		342		-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343	19	23.426.834.298	23.986.741.360

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý I - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.738.726.547.472</b>	<b>1.716.310.084.631</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>1.727.028.051.134</b>	<b>1.703.958.698.870</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		801.350.510.000	801.350.510.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		801.350.510.000	801.350.510.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191.455.332.801	191.455.332.801
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		589.325.869.293	589.325.869.293
9. Quỹ hỗ trợ xấp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		144.896.339.040	121.826.986.776
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		121.826.986.776	31.297.800.600
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		23.069.352.264	90.529.186.176
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	<b>430</b>		<b>11.698.496.338</b>	<b>12.351.385.761</b>
1. Nguồn kinh phí	431	21	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	22	11.698.496.338	12.351.385.761
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.676.247.353.920</b>	<b>2.933.362.837.495</b>

Lập ngày 29 tháng 10 năm 2024

Người lập biểu



Hồ Thị Hậu

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà



Lê Văn Phương

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Quý I - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến 30/06/2025**

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I	
				Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 1	458.420.134.979	418.722.115.158
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		458.420.134.979	418.722.115.158
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	403.935.108.366	368.882.537.640
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		54.485.026.613	49.839.577.518
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI. 3	3.526.874.805	2.941.728.883
7.	Chi phí tài chính	22	VI. 4	12.314.374.927	11.258.223.820
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.094.446.162	10.368.674.505
8.	Chi phí bán hàng	25	VI. 5	10.432.968.211	10.366.326.341
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI. 6	7.804.888.562	9.721.106.949
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.459.669.718	21.435.649.291
11.	Thu nhập khác	31	VI. 7	2.104.000	151.113.937
12.	Chi phí khác	32	VI. 8	284.877.550	194.697.317
13.	Lợi nhuận khác	40		(282.773.550)	(43.583.380)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.176.896.168	21.392.065.911
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		4.107.543.904	4.595.832.618
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<b>23.069.352.264</b>	<b>16.796.233.293</b>

Lập ngày 29 tháng 10 năm 2024

Người lập biểu



Hồ Thị Hậu

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà



Lê Văn Phương



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Giai đoạn từ 01/07/2024 đến 30/09/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	27.176.896.168	21.392.065.911
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	14.206.698.474	27.438.288.266
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.200.062.201)	4.188.180.437
- Chi phí lãi vay	06	9.094.446.162	10.368.674.505
- Các khoản chi trực tiếp từ lợi nhuận	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	48.277.978.603	63.387.209.119
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	71.126.604.109	(66.162.742.411)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	186.595.837.618	329.549.787.363
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(89.051.731.596)	182.064.434.216
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(24.997.341.690)	(40.721.596.332)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(9.401.650.637)	(11.704.578.808)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(18.086.631.314)	(7.596.593.096)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	740.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.774.107.304)	(2.314.592.768)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>162.688.957.789</b>	<b>447.241.327.283</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.739.090.060)	(521.149.404)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		195.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20.915.000.000)	(88.020.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	12.000.000.000	
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.117.491.506	2.669.369.864
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(7.536.598.554)</b>	<b>(85.676.779.540)</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	319.862.158.164	111.477.752.373
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(494.934.863.218)	(465.276.652.936)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(397.572)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(175.072.705.054)</b>	<b>(353.799.298.135)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(19.920.345.819)</b>	<b>7.765.249.608</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>36.828.566.477</b>	<b>7.155.404.880</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>16.908.220.658</b>	<b>14.920.654.488</b>

Lập ngày 29 tháng 10 năm 2024

Người lập biểu



Hồ Thị Hậu

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà



Lê Văn Phương

# CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO<sub>2</sub> (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 đến ngày 30 tháng 09 năm 2024.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP- Oracle Net Suite).

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

# CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

## 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

## 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

## 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

## 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

## 6. Tài sản cố định vô hình

### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

### ***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 05 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	20 – 50
Phần mềm quản lý	05 - 08

**7. Chi phí đi vay**  
Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

**8. Đầu tư tài chính**  
Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.  
Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.  
Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

**9. Chi phí trả trước dài hạn**  
*Tiền thuê đất, thuê kho trả trước*  
Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

**10. Chi phí phải trả**  
Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

**11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**  
Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024, Công ty không thực hiện trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

**12. Trích lập Quỹ Khoa học và Phát triển công nghệ:**  
Công ty thực hiện trích lập quỹ khoa học và phát triển công nghệ trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và phản ánh số trích lập trên chỉ tiêu “Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ”.

**13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**  
Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:  

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

**14. Cổ phiếu quỹ**  
Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

**15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Căn cứ Khoản 3a Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN (được bổ sung theo khoản 5 Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015), Công ty thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 15% trên thu nhập chịu thuế từ chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía (sản phẩm trồng trọt trong lĩnh vực nông nghiệp) trên địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

### **17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.995.241	87.232.458
Tiền gửi ngân hàng	13.502.978.987	1.264.071.480
Các khoản tương đương tiền	3.400.246.430	35.477.262.539
<b>Cộng</b>	<b><u>16.908.220.658</u></b>	<b><u>36.828.566.477</u></b>

**2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	47.115.000.000	39.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>47.115.000.000</u></b>	<b><u>39.700.000.000</u></b>

**3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN****3.1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	-	156.494.168.250
HEKOU MINGCHENG TECHNOLOGY TRADE CO., LTD	7.275.452.884	7.933.917.420
Các khoản phải thu khách hàng khác	25.923.908.449	40.753.654.008
<b>Cộng</b>	<b><u>33.199.361.333</u></b>	<b><u>205.181.739.678</u></b>

**3.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán tại XNNL	214.034.715.156	162.052.735.285
Trả trước cho người bán tại VPCT	75.450.954.609	35.842.605.465
Trả trước cho người bán tại các đơn vị	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>289.485.669.765</u></b>	<b><u>197.895.340.750</u></b>

**4. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	29.500.000.000	28.000.000.000

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

<b>Ngắn hạn</b>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao mía đường Lam Sơn	85.798.705	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>Ngắn hạn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng</i>	<i>5.809.064.912</i>	<i>5.690.649.328</i>
<i>Công ty CP rượu Việt Nam – Thụy Điển</i>	<i>8.504.060.306</i>	<i>8.504.060.306</i>
<i>Tiền hỗ trợ phân bón</i>	<i>9.990.886.200</i>	<i>9.990.886.200</i>
<i>Tạm ứng</i>	<i>405.851.680</i>	<i>165.330.820</i>
<i>Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	<i>20.252.923.268</i>	<i>10.265.653.232</i>
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>4.377.999.560</i>	<i>7.130.332.698</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>49.426.584.631</u></b>	<b><u>41.746.912.584</u></b>

<b>Dài hạn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Tiền hỗ trợ phân bón</i>	<i>32.909.102.375</i>	<i>32.909.102.375</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>32.909.102.375</u></b>	<b><u>32.909.102.375</u></b>

**VI. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

<b>Số đầu năm</b>	<b>(29.697.736.111)</b>
Dự phòng trích lập trong năm	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>(29.697.736.111)</u></b>

**VII. HÀNG TỒN KHO**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Nguyên liệu, vật liệu	<i>36.770.476.037</i>	<i>70.035.562.127</i>
Công cụ, dụng cụ	<i>1.054.380.866</i>	<i>857.898.075</i>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	<i>13.746.538.906</i>	<i>8.648.340.716</i>
Thành phẩm	<i>633.322.535.856</i>	<i>925.532.529.417</i>
Hàng hóa	<i>150.645.562.366</i>	<i>17.061.001.314</i>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<i>(25.341.417.317)</i>	<i>(25.341.417.317)</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>810.198.076.714</u></b>	<b><u>996.793.914.332</u></b>

**VIII. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

<b>Ngắn hạn</b>	
Số đầu năm	<i>3.291.979.017</i>
Số cuối kỳ	<i>28.577.678.182</i>
<b>Dài hạn</b>	
Số đầu năm	<i>26.383.449.781</i>
Số cuối kỳ	<i>26.095.092.306</i>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/20204 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****IX. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tài sản cố định khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	521.104.733.512	2.137.473.801.840	47.498.361.621	19.925.556.046	533.390.000	2.726.535.843.019
Tăng trong kỳ	357.683.970	753.214.390				1.110.898.360
<i>Mua sắm mới</i>	357.683.970	753.214.390				1.110.898.360
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>						
<i>Tăng khác</i>						
Giảm trong kỳ		(2.705.599.779)		(4.835.373.641)		(7.540.973.420)
<i>Giảm do thanh lý nhượng bán</i>		(2.705.599.779)		(4.835.373.641)		(7.540.973.420)
<i>Giảm khác</i>						
<b>Số cuối năm</b>	<b>521.462.417.482</b>	<b>2.135.521.416.451</b>	<b>47.498.361.621</b>	<b>15.090.182.405</b>	<b>533.390.000</b>	<b>2.720.105.767.959</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số đầu năm	306.156.233.710	1.691.951.000.299	41.443.457.513	19.807.996.172	425.637.712	2.059.784.325.406
Tăng trong kỳ	3.989.583.875	9.348.018.317	309.884.189	15.307.943	2.169.510	13.664.963.834
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	3.989.583.875	9.348.018.317	309.884.189	15.307.943	2.169.510	13.664.963.834
<i>Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ PL</i>						
<i>Tăng khác</i>						
Giảm trong kỳ		(2.705.599.779)		(4.835.373.641)		(7.540.973.420)
<i>Giảm do thanh lý, nhượng bán</i>		(2.705.599.779)		(4.835.373.641)		(7.540.973.420)
<i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>310.145.817.585</b>	<b>1.698.593.418.837</b>	<b>41.753.341.702</b>	<b>14.987.930.474</b>	<b>427.807.222</b>	<b>2.065.908.315.820</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
<b>Tại ngày đầu kỳ</b>	<b>214.948.499.802</b>	<b>445.522.801.541</b>	<b>6.054.904.108</b>	<b>117.559.874</b>	<b>107.752.288</b>	<b>666.751.517.613</b>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>211.316.599.897</b>	<b>436.927.997.614</b>	<b>5.745.019.919</b>	<b>102.251.931</b>	<b>105.582.778</b>	<b>654.197.452.139</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****X. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	32.195.577.517	15.230.260.896	47.425.838.413
Tăng trong kỳ do mua sắm	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-
Giảm khác			
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>32.195.577.517</b>	<b>15.230.260.896</b>	<b>47.425.838.413</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	2.617.670.358	4.759.456.535	7.377.126.893
Tăng trong kỳ do khấu hao	65.788.987	475.945.653	541.734.640
Giảm khác	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.683.459.345</b>	<b>5.235.402.188</b>	<b>7.918.861.533</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	29.577.907.159	10.470.804.361	40.048.711.520
Số cuối kỳ	29.512.118.172	9.994.858.708	39.506.976.880

**XI. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ GIANG**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự án trung tâm công nghệ cao Lam Sơn	30.366.333.204	30.389.481.352
Dự án đầu tư công viên sinh thái tre, luồng Thanh Tam	272.929.307.236	272.308.494.381
Dự án nhà máy nước mía cô đặc	17.695.671.956	17.695.671.956
Dự án khác	1.771.566.517	741.039.524
<b>Cộng</b>	<b>322.762.878.913</b>	<b>321.134.687.213</b>

**XII. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>306.746.610.952</b>	<b>306.746.610.952</b>
<i>Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn</i>	8.300.000.000	8.300.000.000
<i>Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng</i>	100.737.621.024	100.737.621.024
<i>Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn</i>	13.950.000.000	13.950.000.000
<i>Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng</i>	21.396.593.886	21.396.593.886
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước</i>	13.500.000.000	13.500.000.000
<i>Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn</i>	9.862.396.042	9.862.396.042
<i>Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn</i>	139.000.000.000	139.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>21.500.000.000</b>	<b>21.500.000.000</b>
<i>Công ty Cổ phần rượu Việt Nam - Thụy Điển</i>	<i>21.500.000.000</i>	<i>21.500.000.000</i>
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>5.251.145.800</b>	<b>5.251.145.800</b>
<i>Tổng Công ty Mía đường I</i>	<i>2.974.645.800</i>	<i>2.974.645.800</i>
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà</i>	<i>2.276.500.000</i>	<i>2.276.500.000</i>
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>(87.516.978.128)</b>	<b>(87.516.978.128)</b>

**XIII. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN****Ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tại XNNL	82.341.927.953	97.298.627.953
Phải trả tại VPCT	31.218.975.648	29.411.043.226
Phải trả tại các đơn vị	1.132.042.333	1.188.247.107
<b>Cộng</b>	<b>114.692.945.934</b>	<b>127.897.918.286</b>

**XIV. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước	49.896.753.669	104.073.143.868
<b>Cộng</b>	<b>49.896.753.669</b>	<b>104.073.143.868</b>

**XV. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	21.196.767.293	14.673.878.638
		15.658.104.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.107.543.904	17.913.096.659
Các loại thuế khác	-	3.288.201.840
<b>Cộng</b>	<b>25.304.311.197</b>	<b>51.533.281.137</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngon mía giống, sản phẩm rau củ quả, dịch vụ cơ giới nông nghiệp	Không chịu thuế
Đường, mật rỉ	5%
Điện, nước mía, sữa gạo	10%

### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp Quý I năm 2024/2025:

	<u>Năm nay</u>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>27.176.896.168</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán:</b>	<b>-</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	206.729.860
<i>Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất</i>	55.958.610
<i>Chi phí khấu hao TSCD có NG trên 1.6 tỷ đồng</i>	89.771.250
<i>Thù lao của Hội đồng Quản trị không chuyên trách</i>	61.000.000
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ</i>	-
<i>Các khoản khác</i>	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>27.383.626.028</b>
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>4.107.543.904</b>
<b>Thuế TNDN năm trước</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>23.069.352.264</b>

### Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

## XVI. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả	8.664.226.032	9.578.592.746
<b>Cộng</b>	<b>8.664.226.032</b>	<b>9.578.592.746</b>

## XVII. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	-	-
Kinh phí công đoàn	1.629.303.062	1.714.655.762
Hoàn ứng	1.029.976.556	1.772.321.405
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	8.381.994.126	8.326.618.775
<b>Cộng</b>	<b>11.041.273.744</b>	<b>11.813.595.942</b>

## XVIII. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngân hàng, tổ chức tín dụng	654.933.363.334	830.006.068.388
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>654.933.363.334</u></b>	<b><u>830.006.068.388</u></b>

**XIX. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ dài hạn	6.335.000.000	6.335.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>6.335.000.000</u></b>	<b><u>6.335.000.000</u></b>

*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay trong kỳ</u>	<u>Số tiền trả /giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay đối tượng khác	6.335.000.000			6.335.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>6.335.000.000</u></b>			<b><u>6.335.000.000</u></b>

**XX. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	23.426.834.298	23.986.741.360
<b>Cộng</b>	<b><u>23.426.834.298</u></b>	<b><u>23.986.741.360</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### XXI. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	745.479.930.000	191.455.332.801	587.011.743.761	91.797.029.231	1.615.744.035.793
Lợi nhuận năm trước				-	-
Lợi nhuận năm nay				90.529.186.175	90.529.186.175
Trích lập quỹ đầu tư phát triển			2.314.125.532	(2.314.125.532)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				(2.314.125.532)	(2.314.125.532)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	55.870.580.000			(55.870.580.000)	-
Các khoản khác				(397.566)	(397.566)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>801.350.510.000</b>	<b>191.455.332.801</b>	<b>589.325.869.293</b>	<b>121.826.986.776</b>	<b>1.703.958.698.870</b>
Số dư đầu năm nay	801.350.510.000	191.455.332.801	589.325.869.293	121.826.986.776	1.703.958.698.870
Lợi nhuận năm trước					-
Lợi nhuận năm nay				23.069.352.264	23.069.352.264
Trích lập quỹ đầu tư phát triển					-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi					-
Chia cổ tức năm nay					-
Các khoản khác					-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>801.350.510.000</b>	<b>191.455.332.801</b>	<b>589.325.869.293</b>	<b>144.896.339.040</b>	<b>1.727.028.051.134</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	801.350.510.000	801.350.510.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	191.455.332.801	191.455.332.801
<b>Cộng</b>	<b><u>992.805.842.801</u></b>	<b><u>992.805.842.801</u></b>

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	80.135.051	80.135.051
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	80.135.051	80.135.051
- Cổ phiếu phổ thông	80.135.051	80.135.051
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	80.135.051	80.135.051
- Cổ phiếu phổ thông	80.135.051	80.135.051

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Mệnh giá cổ phiếu năm trước 10.000 VND.

**Mục đích trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu:**

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

**XXII. NGUỒN KINH PHÍ ĐÃ HÌNH THÀNH TSCĐ**

<b>Số đầu năm</b>	<b>12.351.385.761</b>
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	(652.889.423)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>11.698.496.338</u></b>

**VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA QUÝ I NĂM TÀI CHÍNH 2024/2025:****VI.1 - DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Giai đoạn 01/07 đến 30/09</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>458.420.134.979</b>	<b>418.722.115.158</b>
Doanh thu bán hàng hóa	11.385.630.666	48.672.884
Doanh thu bán thành phẩm	446.992.702.692	417.298.022.340
Doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh	41.801.621	1.375.419.934

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Giai đoạn 01/07 đến 30/09</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
thu khác		
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Doanh thu bán thành phẩm		
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>458.420.134.979</b>	<b>418.722.115.158</b>
Doanh thu bán hàng hóa	11.385.630.666	48.672.884
Doanh thu bán thành phẩm	446.992.702.692	417.298.022.340
Doanh thu cung cấp dịch vụ	41.801.621	1.375.419.934

**VI.2 - GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Giai đoạn 01/07 đến 30/09</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	11.436.106.906	7.406.790
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	391.631.051.384	366.790.394.772
Giá vốn của hàng bán khác	867.950.076	2.084.736.078
Dự phòng/hoàn nhập hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng</b>	<b>403.935.108.366</b>	<b>368.882.537.640</b>

**VI.3 - DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Giai đoạn 01/07 đến 30/09</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi	477.199.324	348.720.310
Lãi tiền cho vay	463.576.251	634.914.760
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.326.812.604	623.408.881
Lãi đầu tư trái phiếu	1.237.284.626	1.334.684.932
Lãi khác	22.002.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.526.874.805</b>	<b>2.941.728.883</b>

**VI.4 - CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Giai đoạn 01/07 đến 30/09</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí lãi vay	9.094.446.162	10.368.674.505
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Giai đoạn 01/07 đến 30/09</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lỗ tỷ giá hối đoái của hoạt động SXKD	1.106.927.528	46.195.066
Chiết khấu thanh toán	2.093.336.237	832.597.261
Lỗ các khoản đầu tư khác	-	-
Chi phí khác	19.665.000	10.756.988
<b>Cộng</b>	<b>12.314.374.927</b>	<b>11.258.223.820</b>

**VI.5 - CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>Giai đoạn 01/07 đến 30/09</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên	1.410.903.539	1.001.713.228
Chi phí khấu hao TSCĐ	613.075.683	730.423.699
Chi phí vận chuyển	2.898.469.452	2.278.731.828
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.595.933.915	5.587.496.007
Chi phí bằng tiền khác	1.914.585.622	767.961.579
<b>Cộng</b>	<b>10.432.968.211</b>	<b>10.366.326.341</b>

**VI.6 - CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Giai đoạn 01/07 đến 30/09</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên quản lý	2.293.435.768	4.346.751.230
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.345.868.173	2.449.316.522
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.166.737.096	1.086.312.618
Chi phí dự phòng, trợ cấp	-	-
Chi phí quản lý bằng tiền khác	1.998.847.525	1.838.726.579
<b>Cộng</b>	<b>7.804.888.562</b>	<b>9.721.106.949</b>

**VI.7 - THU NHẬP KHÁC**

	<b>Giai đoạn 01/07 đến 30/09</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thanh lý tài sản cố định	-	140.113.937
Thu nhập khác	2.104.000	11.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.104.000</b>	<b>151.113.937</b>

**VI.8 - CHI PHÍ KHÁC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Giai đoạn 01/07 đến 30/09</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí khấu hao và kiểm tu của tài sản cố định tạm dừng sản xuất	55.958.610	55.958.610
Chi phí khác	228.918.940	138.738.707
<b>Cộng</b>	<b>284.877.550</b>	<b>194.697.317</b>

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu:**

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý I- năm 2024-2025	<b>23.069.352.264</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	<b>80.135.051</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>288</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ được tính như sau:

	<b>Năm nay</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	80.135.051
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>80.135.051</b>

**VII – NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>30/09/2024</b>	<b>01/07/2024</b>
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	47,63	51,82
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	52,37	48,18
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	35,03	41,49

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính		
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	64,97	58,51
<b>Khả năng thanh toán</b>		<b>30/09/2024</b>	<b>01/07/2024</b>
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,85	2,41
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,41	1,28
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,02	0,03
<b>Tỷ suất sinh lời từ 01/07 đến 30/09:</b>		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	5,99	5,11
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	5,09	4,01
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	5,99	5,11
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	5,09	4,01
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1,03	0,73
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,87	0,57
<b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</b>	%	<b>1,36</b>	<b>0,98</b>

## 2. Báo cáo bộ phận

### Theo lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm từ đường. Giai đoạn từ 01/07/2024 đến 30/09/2024, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là 458.420.134.979 đồng; Trong đó doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm sau đường là 445.338.866.067 đồng chiếm tỷ trọng 97,1% ; doanh thu khác chiếm tỷ trọng 2,9% trên tổng doanh thu. Do đó, Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính.

### Theo khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

## 3. Giao dịch và số dư với các bên có liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/07/2023 đến 30/09/2023
<b>Giao dịch mua hàng</b>			
Công ty CP TM XNK Lam Sơn	Công ty con	3.595.933.915	5.454.235.138

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	452.296.100	397.147.830
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	5.043.300.000	-
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	10.800.000	-
<b>Giao dịch bán hàng</b>			
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	124.000.000	237.252.596
Công ty CP TM XNK Lam Sơn	Công ty con	127.162.954.608	89.311.886.610
Công ty TNHH Lam Sơn- Sao Vàng	Công ty con	148.580.000	16.815.600
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	378.493.149	639.492.048
Công ty TNHH Thành An - Lam Sơn	Công ty con	33.649.193	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tại ngày 01/07/2024 và ngày 30/09/2024, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Trả trước cho người bán</b>			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	882.000.000	882.000.000
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	951.790.800	-
Hiệp hội mía đường Lam Sơn			
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	76.452.782.500	91.409.482.500
Công ty CP TM XNK Lam Sơn	Công ty con	841.928.425	-
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	2.921.603.000	2.921.603.000
Công ty CP TM XNK Lam Sơn	Công ty con	-	1.557.504.715
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	112.672.282	-
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	5.809.064.912	5.690.649.328
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	85.798.705	-
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>			
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	29.500.000.000	28.000.000.000

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Từ 01/07/2024	Từ 01/07/2023
			đến 30/09/2024	đến 30/09/2023
			VND	VND
1	Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch HĐQT	586.893.174	305.876.972
2	Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	328.916.539	322.106.946
3	Bà Lê Thị Huệ	Ủy viên thường trực HĐQT	283.341.241	172.437.016
4	Ông Phùng Thanh Hải	Ủy viên HĐQT	31.000.000	31.000.000
5	Ông Nguyễn Thanh Tân	Ủy viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
6	Ông Lê Văn Phương	Tổng giám đốc	323.881.399	168.331.369
7	Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	156.195.725	116.716.175
8	Ông Lê Bá Chiêu	Phó Tổng Giám đốc	94.336.746	136.589.661
9	Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	215.986.924	133.608.370
10	Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc	99.958.046	121.388.701
11	Ông Lê Huy Hùng	Trưởng Ban Kiểm soát	110.818.628	139.191.069
12	Ông Trịnh Đình Toán	Thành viên Ban Kiểm soát	87.966.330	92.504.759
13	Ông Nguyễn Thành Tâm	Thành viên Ban Kiểm soát	22.266.471	75.754.510
<b>Tổng</b>			<b>2.371.561.223</b>	<b>1.845.505.547</b>

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

**5. Giải trình biến động lợi nhuận so với cùng kỳ:** Lợi nhuận sau thuế Quý I niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025 đạt 23.069.352.264 đồng, tăng 37,35% so với cùng kỳ năm 2023/2024, do một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Từ 01/07 đến 30/09		
		Năm nay(đ)	Năm trước(đ)	Tăng giảm(%)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	458.420.134.979	418.722.115.158	9,48
2	Giá vốn hàng bán	403.935.108.366	368.882.537.640	9,50
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	54.485.026.613	49.839.577.518	9,32
4	Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu	11,89%	11,90%	(0,15)
5	Doanh thu hoạt động tài chính	3.526.874.805	2.941.728.883	19,89
6	Chi phí tài chính	12.314.374.927	11.258.223.820	9,38
7	Chi phí bán hàng	10.432.968.211	10.366.326.341	0,64
8	Chi phí quản lý	7.804.888.562	9.721.106.949	(19,71)

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

TT	Chỉ tiêu	Từ 01/07 đến 30/09		
		Năm nay(đ)	Năm trước(đ)	Tăng giảm(%)
9	Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	23.069.352.264	16.796.233.293	37,35

### Nguyên nhân :

Doanh thu năm nay tăng 9,48%, Giá vốn tăng 9,50% so với cùng kỳ năm trước, tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu năm nay đạt 11,89% tương đương so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay tăng 9,32% so với cùng kỳ năm trước,

Doanh thu từ hoạt động tài chính tăng 19,89%, Chi phí tài chính tăng 9,38% so với cùng kỳ năm trước,

Chi phí bán hàng năm nay tăng 0,64%, nhưng chi phí quản lý giảm 19,71% so với cùng kỳ năm trước,

Do đó, Lợi nhuận kế toán sau thuế quý I niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025 đạt 23.069 triệu đồng, tăng 37,35% so với cùng kỳ năm trước.

Lập ngày 29 tháng 10 năm 2024

Người lập biểu

Hồ Thị Hậu

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thanh Hà



Lê Văn Phương